

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Lào Cai
giai đoạn 2026- 2030

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

Trên cơ sở Kế hoạch của 02 tỉnh trước sáp nhập, bao gồm: Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 21/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai triển khai thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề giai đoạn 2022-2025 và tầm nhìn đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 21/11/2022 Kế hoạch Bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Yên Bái giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Bảo tồn và Phát triển làng nghề (*nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống*) tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo tồn và phát triển làng nghề nhằm gìn giữ và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của làng nghề tỉnh Lào Cai, thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng cho các sản phẩm làng nghề; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; bảo vệ cảnh quan, không gian và môi trường, xây dựng các khu dân cư, làng văn hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Duy trì và phát triển các làng nghề, nghề đã được công nhận, bao gồm: 23 làng nghề, 19 làng nghề truyền thống và 24 nghề truyền thống.

- Khôi phục và bảo tồn 32 làng nghề, 20 nghề truyền thống và phát triển 12 làng nghề gắn với du lịch.

- Có 75% các làng nghề gắn với phát triển du lịch nông thôn.

- 70% các làng nghề hoạt động có hiệu quả.

- 80% người lao động trong làng nghề được đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng vệ sinh an toàn lao động và kiến thức công nghệ thông tin cơ bản.

- Có ít nhất 15% số làng nghề có sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý...).

- Có 40% làng nghề có sản phẩm được đánh giá, phân hạng theo Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- 100% cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Rà soát cơ chế, các chính sách bảo tồn và phát triển làng nghề

Rà soát cơ chế, chính sách trên địa bàn tỉnh về thu hút đầu tư, hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường, khuyến công, đào tạo nghề cho lao động nông thôn,... và các chính sách có liên quan để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh.

2. Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

2.1. Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

- Bảo tồn, duy trì và phát triển 23 làng nghề, 19 làng nghề truyền thống, 24 nghề truyền thống đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận, tập trung tại 4 nhóm ngành nghề theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ, trong đó:

+ Nhóm ngành nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản (Nhóm 1): 33 nghề, bao gồm: 12 làng nghề, 14 làng nghề truyền thống, 07 nghề truyền thống.

+ Nhóm ngành nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ (Nhóm 2): 07 nghề, bao gồm: 03 làng nghề, 01 làng nghề truyền thống, 03 nghề truyền thống.

+ Nhóm ngành nghề xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn (Nhóm 3): 01 làng nghề.

+ Nhóm ngành nghề sản xuất đồ gỗ mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ (Nhóm 4): 25 nghề, bao gồm: 07 làng nghề, 04 làng nghề truyền thống, 14 nghề truyền thống.

2.2. Phát triển làng nghề mới đảm bảo các giá trị văn hoá truyền thống, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới

Phấn đấu đến năm 2030 khôi phục và bảo tồn 32 làng nghề, 20 nghề truyền thống. Trong đó, tập trung ưu tiên phát triển các làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản; cây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh; cơ khí nhỏ ở nông thôn và phát triển dịch vụ ở nông thôn.

a) Đối với các làng đã có nghề:

- Khôi phục, bảo tồn, lưu giữ nét văn hóa truyền thống trong sản phẩm, bí quyết nghề, đồng thời thiết kế những sản phẩm mới phù hợp với thị trường, nâng cao khả năng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Khôi phục, tổ chức các lễ hội, hoạt động văn hóa dân gian, phát huy các giá trị văn hóa của nghề và làng nghề trong xây dựng môi trường du lịch văn hóa.

- Xây dựng mô hình/dự án trên cơ sở đó phát triển nhân rộng quy mô cơ sở sản xuất để hình thành làng nghề; tăng cường liên kết với Hiệp hội, các doanh nghiệp lớn để cải tiến mẫu mã, cung cấp vốn và thông tin thị trường; đào tạo nâng cao năng lực của các chủ cơ sở sản xuất,...

- Khuyến khích mở rộng quy mô, tập trung vốn, tạo mặt bằng sản xuất thuận lợi trong các khu/cụm công nghiệp ngành nghề tại địa phương.

- Tổ chức liên kết chuỗi giá trị, phát triển làng nghề gắn với du lịch trải nghiệm, góp phần phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

b) Đối với các làng chưa có nghề

- Thúc đẩy phát triển ngành nghề phi nông nghiệp với hình thức du nhập phát triển nghề thông qua việc học tập, phổ biến, lan tỏa từ các làng nghề truyền thống, làng nghề đã có sản phẩm trên thị trường.

- Xây dựng các dự án khôi phục nghề cũ (nếu có), chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống nông thôn.

- Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn và truyền nghề từ các nghệ nhân cao tuổi, có kinh nghiệm lâu năm trong các làng nghề đã có trong vùng hoặc tại các địa phương khác.

- Những làng nghề mới cần hướng tập trung vào phát triển các ngành nghề chế biến nông lâm thủy sản, công nghệ bảo quản sau thu hoạch và sản xuất sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp; ưu tiên chế biến các sản phẩm sạch.

- Phát triển mối liên kết doanh nghiệp xuất khẩu với gia công bán thành phẩm ở các làng nghề. Liên kết, góp vốn, xúc tiến hình thành các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất.

c) Phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới

Phát triển làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống gắn các tuyến du lịch (lễ hội, tâm linh, cộng đồng, trải nghiệm) trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên phát triển 12 làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới như: Làng nghề SXKD sinh vật cảnh gắn với du lịch cộng đồng, phường Cam Đường; Làng nghề dệt thổ cẩm xã Bản Hồ; Làng nghề dệt may thổ cẩm, trang phục dân tộc gắn với di tích, danh thắng Động Thiên Long xã Lùng Phình; Làng nghề dệt may thổ cẩm, trang phục dân tộc gắn với điểm du lịch Hang Tiên và hồ thủy điện Cốc Ly, xã Bảo Nhai; Làng nghề trồng hoa địa lan xã Tả Phìn; Làng Nghề đan lát xã Y Tý; Làng nghề thêu may thổ cẩm, cắt may trang phục dân tộc và làm Cốm gắn với địa điểm du lịch Xã Hợp Thành; Làng nghề trồng

và chế biến thuốc tám người Dao đỏ, xã Tả Phìn; Làng nghề chế tác thủ công đá mỹ nghệ xã Tân Lĩnh; Làng nghề trồng trọt, sản xuất và chế biến sản phẩm từ gạo nếp tan Tú Lệ, xã Tú Lệ; Làng nghề trồng, chế biến và bảo quản chè đặc sản Shan Tuyết Suối Giàng, xã Văn Chấn; Làng nghề sản xuất Miến Dao, xã Giới Phiên; Làng nghề trồng dâu, nuôi tằm, xã Trấn Yên,...

d) Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển một số nghề như: Nghề trồng lanh dệt vải, nhuộm chàm, in vẽ sáp ong, chế tác nhạc cụ, nghề rèn đúc, chế tác khèn dân tộc Mông; chế biến đậu xị truyền thống dân tộc Nùng; Nghề chế tác trang sức, sản xuất nhạc cụ truyền thống của dân tộc Dao; Nghề dệt vải, nhuộm chàm, thêu, ghép vải, làm hương của dân tộc Tày; Nghề dệt vải, nhuộm chàm, làm hương, nấu rượu của dân tộc Giáy; Nghề thêu thổ cẩm và các sản phẩm từ hạt cườm của người Xá Phó,...

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

3. Đào tạo nguồn nhân lực làng nghề

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống cho cán bộ quản lý các cấp, chủ cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm ngành nghề, làng nghề, hợp tác xã, tổ hợp tác, ... Lao động tham gia học nghề truyền thống được hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp theo quy định hiện hành.

- Khuyến khích nghệ nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo nghề, truyền nghề truyền thống. Nghệ nhân, thợ giỏi truyền nghề được hưởng thù lao theo quy định khi tham gia đào tạo nghề nghiệp cho lao động nông thôn. Khi nghệ nhân trực tiếp truyền nghề được thu tiền học phí của người học trên nguyên tắc thỏa thuận.

- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực được hỗ trợ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ.

4. Bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề

- Bảo vệ môi trường làng nghề phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn với nguyên tắc cơ bản là gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, phát huy thế mạnh từng vùng và bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất của ngành nghề nông thôn, ưu tiên cho các lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ, đồng thời chú trọng đến xử lý chất thải, giảm thiểu

ô nhiễm môi trường tại các làng nghề. Bên cạnh đó, cần khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tại làng nghề tham gia nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải; khu tập kết, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại cho làng nghề đặc biệt là tại các làng nghề chế tác đá mỹ nghệ.

- Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục, tuyên truyền vận động về vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm đến các hộ sản xuất cá thể, các tổ chức, làng nghề và tuân thủ các quy định về vệ sinh môi trường một cách chặt chẽ.

5. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại và phát triển thị trường xây dựng thương hiệu gắn với phát triển OCOP

- Thực hiện công tác truyền thông về tầm quan trọng của bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống và bảo tồn, phát huy giá trị nghề truyền thống gắn với văn hóa, du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng; lồng ghép nội dung vào chương trình, hội nghị, sinh hoạt chuyên đề các cấp, ngành.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể sản xuất tại các làng nghề lập hồ sơ tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

- Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm tại một số làng nghề truyền thống tiêu biểu trên toàn quốc.

- Xây dựng ấn phẩm, clip, viết bài giới thiệu về tiềm năng phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh tạo nên sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với di tích lịch sử kiến trúc.

- Khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tại làng nghề truyền thống tham gia hội chợ, triển lãm xúc tiến thương mại; xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm và mở rộng thị trường. Hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu, bán hàng trực tuyến; tham gia Hội thi sản phẩm thủ công, Festival làng nghề Việt Nam.

- Cơ sở tham gia Chương trình xúc tiến thương mại được hưởng chính sách quy định tại Điều 9, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh (*nguồn vốn khuyến công, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia*). Nội dung về tuyên truyền, tập huấn được lồng ghép với các chương trình khác (*Chương trình OCOP, Chương trình khuyến công*).

6. Ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số

- Khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh làng nghề ứng dụng khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh chuyển đổi số; áp dụng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học đề đổi mới công nghệ sản xuất kết hợp bảo tồn bí quyết nghề truyền thống; sản xuất sản phẩm mới, cải tiến bao bì nhãn mác; đăng ký nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc; chứng nhận chất lượng sản phẩm,... Khuyến khích áp dụng khoa học

công nghệ vào sản xuất nghề truyền thống, làng nghề truyền thống để tăng năng suất, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của địa phương, phát triển du lịch.

- Doanh nghiệp, cơ sở thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ được hỗ trợ theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; hỗ trợ đăng ký bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ, triển khai hệ thống truy suất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chính sách khuyến công; các chương trình, dự án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

7. Hỗ trợ vốn và chính sách đầu tư tín dụng

Ưu tiên thực hiện chính sách ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ đối với dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả tại làng nghề truyền thống, dự án bảo tồn và phát triển nghề truyền thống được hưởng ưu đãi đầu tư theo Luật Đầu tư công; được áp dụng các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; được ưu tiên vay vốn từ các tổ chức tín dụng, Quỹ quốc gia về việc làm, Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ... theo quy định của pháp luật.

8. Phát triển nguồn nguyên liệu

Nghiên cứu phát triển vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất cho nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, đặc biệt là nguồn nguyên liệu không tái sinh của các làng nghề là chế tác đá mỹ nghệ, tranh đá quý; nguồn nguyên liệu cho thêu dệt thổ cẩm trong điều kiện diện tích trồng đay, lanh,... còn hạn chế.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Bố trí nguồn kinh phí cần thiết, liên kết, lồng ghép từ các chương trình mục tiêu Quốc gia và có sự ưu tiên đầu tư mạng lưới cơ sở hạ tầng trong các ngành nghề nông thôn, làng nghề; thực hiện các chính sách ưu đãi về vốn, tín dụng cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, hướng đến các nguồn vốn trung và dài hạn để đầu tư đổi mới công nghệ, đưa máy móc thiết bị thay thế lao động thủ công ở một số khâu, công đoạn để giảm giá thành và đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, theo dõi về ngành nghề nông thôn các cấp; thu hút các nghệ nhân tham gia các hoạt động đào tạo, truyền nghề cho thế hệ kế cận.

3. Tập trung phát triển các sản phẩm OCOP, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp gắn việc phát triển các ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh.

4. Đẩy mạnh áp dụng thương mại điện tử, hỗ trợ các cơ sở sản xuất ngành nghề, làng nghề xây dựng website giới thiệu, quảng bá, xây dựng thương hiệu sản phẩm; tăng cường công tác xúc tiến thương mại cho các sản phẩm ngành nghề nông thôn và làng nghề trên toàn tỉnh Lào Cai. Tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin thường xuyên về thị trường, những quy định về chất lượng, mẫu

mã sản phẩm, thị hiệu tiêu dùng để cơ sở sản xuất ngành nghề, làng nghề có định hướng sản xuất, xuất khẩu phù hợp.

5. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất của ngành nghề nông thôn, ưu tiên cho các lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ, đồng thời chú trọng đến xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề; khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tại ngành nghề, làng nghề tham gia nghiên cứu khoa học.

6. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của việc phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch; đồng thời kết hợp nâng cấp cải tạo hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch hợp lý mặt bằng khuôn viên của cơ sở sản xuất trong làng nghề vừa phục vụ phát triển sản xuất, đảm bảo mỹ quan và thuận lợi cho khách du lịch khi đến tham quan và mua sắm tại làng nghề.

7. Có các chính sách ưu đãi đối với phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn, tạo môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất, kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ.

8. Thành lập các tổ chức sản xuất như Hợp tác xã hay Tổ hợp tác, giúp các làng nghề tập trung nhân lực, trí tuệ của từng hộ cá thể, tận dụng được kinh nghiệm của đông đảo lao động, khơi dậy sự đoàn kết, tính chủ động, linh hoạt của tập thể, từ đó tạo ra sản phẩm số lượng lớn với chất lượng đồng đều. Qua đó tạo điều kiện giúp các làng nghề dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn hỗ trợ sản xuất, thúc đẩy xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể cũng như thuận lợi hơn trong tìm kiếm thị trường tiêu thụ, quảng bá sản phẩm.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã theo phân cấp;
- Ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các Chương trình, dự án;
- Lòng ghép nguồn kinh phí thực hiện các Đề án, Dự án, Chương trình của tỉnh;
- Vốn tín dụng (bao gồm: vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội, vốn vay từ các tổ chức tín dụng khác, các quỹ đầu tư, quỹ phát triển doanh nghiệp, quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã,...);
- Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan thường trực, có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nội dung của Kế hoạch này; định kỳ rà soát, thống kê, phân loại, lập kế hoạch phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phù hợp với yêu cầu thực tiễn; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt đề án, dự án và các chính sách về bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có).

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương trình tự, thủ tục xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống,... theo đúng quy định.

- Tổ chức đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường và xử lý ô nhiễm môi trường nghề truyền thống, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Thẩm định tiêu chí về môi trường trong việc xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

2. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch khuyến công, xúc tiến thương mại hàng năm. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị, tham gia hội chợ triển lãm. Đồng thời đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm làng nghề của tỉnh tại các hội chợ triển lãm và trên các kênh truyền thông.

- Tại các địa phương có làng nghề phát triển mạnh, cần xem xét giải pháp khuyến khích các cơ sở sản xuất tập trung vào các khu/cụm công nghiệp để thuận tiện cho việc xử lý ô nhiễm môi trường và quản lý sản xuất.

- Hỗ trợ các làng nghề xây dựng trang thông tin điện tử, tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử để quảng bá sản phẩm "không biên giới".

- Hỗ trợ thành lập các Hội, Hiệp hội làng nghề cấp tỉnh nhằm tạo cầu nối giữa các cơ sở sản xuất với thị trường và cơ quan quản lý.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân Nhân dân", "Nghệ nhân Ưu tú" trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Công thương.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất và triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm đổi mới công nghệ sản xuất gắn với bảo tồn nghề truyền thống; Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới; Cải tiến mẫu mã, bao bì, nhãn mác; Hỗ trợ đăng ký bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ; Triển khai xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch các sản phẩm truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ bảo tồn, phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp quan tâm đầu tư bảo tồn, phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan đề xuất chính sách hỗ trợ đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển nghề nông thôn, ưu tiên cho đào tạo nghề truyền thống, đào tạo nghề, truyền nghề cho lao động làm việc trong nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

6. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan hướng dẫn xây dựng, hoàn chỉnh các chương trình, sản phẩm du lịch gắn với nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và văn hóa truyền thống của từng địa phương khi có đề nghị; trên cơ sở danh mục làng nghề, sản phẩm làng nghề do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp, thực hiện tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch trong các sự kiện, chương trình trong và ngoài tỉnh; hỗ trợ giới thiệu, quảng bá các sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP tiêu biểu phục vụ khách du lịch, định hướng phát triển thành sản phẩm quà tặng du lịch của tỉnh.

7. Các sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả nội dung Kế hoạch này.

8. Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh Lào Cai

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức tuyên truyền cơ chế, chính sách, nội dung phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; giới thiệu mô hình nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tiêu biểu, có tính lan tỏa rộng rãi, sản phẩm làng nghề đặc trưng, thể hiện bản sắc văn hóa địa phương trên các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Chỉ đạo, triển khai thực hiện các mô hình bảo vệ môi trường làng nghề; xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Nhà nước đầu tư từ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường và khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan quy hoạch, xây dựng, cải tạo và phát triển làng nghề gắn với bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải; khu tập kết, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho làng nghề; xây dựng kế hoạch chuyển đổi ngành nghề, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, gây ô nhiễm môi trường kéo dài ra khỏi làng nghề; tổng hợp nhu cầu ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề.

- Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền chính sách khuyến khích phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tới các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện chương trình, đề án, dự án (*sản phẩm theo Chương trình OCOP, làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với du lịch để thu hút nhiều lao động tại địa phương*) tiếp cận các nguồn lực, chính sách hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Quản lý việc công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và tình hình thực hiện quy định về tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề truyền thống trên địa bàn; rà soát, lập danh sách nghề truyền thống, làng nghề được công nhận.

- Hàng năm xây dựng, tổng hợp dự toán kinh phí bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với văn hóa, du lịch trên địa bàn vào dự toán ngân sách của địa phương, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Đồng thời bố trí, cân đối thêm từ các nguồn kinh phí chương trình, dự án khác, nguồn hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân để thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề; rà soát, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tôn tạo cảnh quan không gian làng nghề.

Trên đây là Kế hoạch Bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình chỗ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị báo cáo, kiến nghị gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Chi cục Chất lượng và PTNT;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NLN (Minh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trung Bá

Phụ lục:**Danh mục làng nghề, làng nghề truyền thống, nghề truyền thống được công nhận và tiếp tục phát triển giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai***(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / / 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

TT	Tên nghề, làng nghề	Địa chỉ xã, phường	Năm công nhận (Năm)	Nhóm ngành nghề (Nhóm)	Số lượng làng nghề, làng nghề truyền thống, nghề truyền thống giai đoạn 2026-2030				
					Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
A	LÀNG NGHỀ	-							
I	Duy trì và phát triển làng nghề đã được công nhận								
1	Làng nghề nấu Rượu ngô	Thôn Mù Tráng Phìn, xã Si Ma Cai	2009	1				x	
2	Làng nghề nấu rượu ngô Sảng Mản Thân.	Thôn Sảng Mản Thân, xã Si Ma Cai	2009	1				x	
3	Làng nghề nấu rượu thóc	Thôn Làng Mới, Tả Phời, xã Hợp Thành	2010	1				x	
4	Làng nghề đan lát, cắt dán hàng mã	Thôn Bảo Vinh, Bảo Hà, xã Bảo Hà	2010	1				x	
5	Làng nghề nấu rượu thóc	Thôn tá Suối Câu 1, A Lù, xã Y Tý	2011	1				x	
6	Làng nghề may thêu thổ cẩm	Thôn Nậm Rịa, Hợp Thành, xã Hợp Thành	2011	4				x	
7	Làng nghề nấu rượu thóc	Thôn Ky Quan San, Mường Hum, xã Mường Hum	2012	1				x	
8	Làng nghề may thêu thổ cẩm	Thôn Ni Xi 2, 3, Pha Long, xã Pha Long	2014	4				x	
9	Làng nghề làm hương đốt	Thôn Lùng Trù, Bản Phố, xã Bắc Hà	2016	1				x	
10	Làng nghề may, thêu thổ cẩm	Thôn Ngải Trỏ, Ý Tý, xã Y Tý	2017	4				x	
11	Làng nghề sản xuất miến đao	Thôn Ngòi Đông, phường Âu Lâu	2012	1				x	
12	Làng nghề đan rọ tôm	Thôn Đồng Tâm 1, xã Yên Thành	2017	4				x	
13	Làng nghề chế biến chè xanh chất lượng cao	Thôn Trục Thanh, phường Âu Lâu	2018	1				x	
14	Làng nghề dệt thổ cẩm	Thôn Dề Thàng, xã Mù Cang Chải	2019	4				x	
15	Làng nghề nấu rượu thóc	Bản La Pán Tấn, xã Púng Luông	2019	1				x	
16	Làng nghề trồng, chế biến và bảo quản chè đặc sản Shan Tuyết Suối Giàng, xã Văn Chấn	Thôn Giàng B, xã Văn Chấn	2019	1				x	
17	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ	Thôn Cây Mơ, xã Lục Yên	2019	2				x	
18	Làng nghề thêu dệt thổ cẩm	Thôn 2 Túc, xã Phúc Lợi	2019	4				x	
19	Làng nghề sản xuất tranh đá quý	Tổ 7, xã Lục Yên	2019	2				x	
20	Làng nghề chế tác thủ công đá mỹ nghệ	Thôn 1, Xã Tân Lĩnh	2019	2				x	
21	Trồng dâu, nuôi tằm	Thôn Đình Xây, xã Trấn Yên	2019	3				x	
22	Làng nghề trồng trọt, sản xuất và chế biến sản phẩm từ gạo nếp tan Tú Lệ, xã Tú Lệ	Thôn Nà Lóng và Thôn Phạ Dưới, xã Tú Lệ	2020	1				x	

23	Làng nghề đan rọ tôm	Xã Tân Lĩnh	2020	4	x				
II	Bảo tồn và phát triển làng nghề mới								
1	Làng nghề trồng và chế biến miến đao	Thôn Thịnh An, xã Quy Mông		1			x		
2	Làng nghề trồng dâu, nuôi tằm	Thôn Thịnh An, xã Quy Mông		1				x	
3	Làng nghề trồng và chế biến tre măng Bát Độ	Thôn Thịnh An, xã Quy Mông		1					x
4	Làng nghề trồng dâu, nuôi tằm	Thôn Lan Đình, xã Trấn Yên		3					x
5	Làng nghề trồng dâu, nuôi tằm	Thôn Trúc Đình, xã Trấn Yên		3				x	
6	Làng nghề trồng dâu, nuôi tằm	Thôn Đồng Đát, xã Trấn Yên		3			x		
7	Làng nghề trồng dâu, nuôi tằm	xã Chấn Thịnh		3			x		
8	Làng nghề dệt thổ cẩm	xã Tú Lệ		4				x	
9	Làng nghề nuôi, chế biến và bảo quản mật ong	xã Văn Chấn		4					x
10	Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ	Thôn Trung tâm, xã Mường Lai		2			x		
11	Làng nghề SX và chế biến SP cơm, gạo từ lúa nếp Lào Mu	xã Lâm Thượng		1			x		
12	Làng nghề chế biến và bảo quản măng mai	Thôn Khéo Lặng, xã Lâm Thượng		1				x	
13	Làng nghề chế biến và bảo quản mật ong	xã Khánh Hòa		1				x	
14	Làng nghề mây, tre đan	xã Púng Luông		4					x
15	Làng nghề mây, tre đan	xã Yên Thành		4					x
16	Làng nghề thêu, dệt thổ cẩm	xã Yên Thành		4					x
17	Làng nghề may, thêu, dệt thổ cẩm	Thôn Ly, xã Lâm Giang		4			x		
18	Làng nghề trồng, chế biến và SX đồ mỹ nghệ từ quế	xã Xuân Ái		2					x
19	Làng nghề trồng dâu, nuôi tằm	xã Xuân Ái		3					x
20	Làng nghề trồng và chế biến chè	Xã Hạnh Phúc		1					x
21	Làng nghề trồng và chế biến khoai sọ	xã Hạnh Phúc		1					x
22	Làng nghề trồng và chế biến khoai sọ	xã Phình Hồ		1					x
23	Làng nghề thêu, may thổ cẩm của người Xa Phó	Nậm Rịa, xã Hợp Thành		4	x				
24	Làng nghề mây tre đan dân tộc Hà Nhi	Xã Y Tý		4		x			
25	Làng nghề mây tre đan dân tộc Hà Nhi	Nậm Pung, xã Mường Hum		4	x				
26	Làng nghề làm giấy dó của người Dao Đỏ	Dền Thàng, xã Dền Sáng		3	x				

27	Làng nghề làm tranh thờ của người Dao Đỏ	Tòng Sành, xã Cốc San		3	x				
28	Làng nghề làm tranh thờ của người Dao Đỏ	Trung Chải, xã Tả Phìn		3			x		
29	Làng nghề nấu rượu đặc sản Cao Lương	Tri Quang, xã Xuân Quang		1				x	
30	Làng nghề mây tre đan	Liêm Phú, xã Khánh Yên		4					x
31	Làng nghề sản xuất mây tre đan	Phố Ràng, xã Bảo Yên; Minh Tân, xã Thượng Hà; Tân Dương, xã Xuân Hòa		4	x				
32	Làng nghề mây tre đan	Mường Hoa, xã Tả Van		4		x			
III	Phát triển làng nghề gắn với du lịch								
1	Làng nghề SXKD sinh vật cảnh gắn với du lịch cộng đồng	Thôn Trục Bình, Minh Bảo, phường Nam Cường		5					x
2	Làng nghề dệt thổ cẩm	Xã Bản Hồ		4	x				
3	Làng nghề dệt may thổ cẩm, trang phục dân tộc gắn với di tích, danh thắng Động Thiên Long	Xã Lùng Phình		4			x		
4	Làng nghề dệt may thổ cẩm, trang phục dân tộc gắn với điểm du lịch Hang Tiên và hồ thủy điện Cốc Ly	Xã Bảo Nhai		4	x				
5	Làng nghề trồng hoa địa lan	Xã Tả Phìn		5	x				
6	Làng Nghề đan lát	Xã Y Tý		4		x			
7	Làng nghề thêu may thổ cẩm, cắt may trang phục dân tộc và làm Côm gắn với địa điểm du lịch	Xã Hợp Thành		4		x			
8	Làng nghề trồng và chế biến thuốc tẩm người Dao đỏ	Xã Tả Phìn		1			x		
9	Làng nghề chế tác thủ công đá mỹ nghệ	Tân Lĩnh, xã Tân Lĩnh		2	x				
10	Làng nghề trồng trọt, sản xuất và chế biến sản phẩm từ gạo nếp tan Tú Lệ, xã Tú Lệ	Thôn Nà Lóng và Thôn Phạ Dưới, xã Tú Lệ		1	x				
11	Làng nghề trồng, chế biến và bảo quản chè đặc sản Shan Tuyết Suối Giàng, xã Văn Chấn	Thôn Giàng B, xã Văn Chấn		1	x				
12	Làng nghề trồng dâu, nuôi tằm	Thôn Đình Xây, xã Trấn Yên		3					x
B	LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG	-							
I	Duy trì và phát triển làng nghề TT đã được công nhận								
1	Làng nghề nấu rượu truyền thống dân tộc Dao đỏ.	Thôn San Lùng, Bản Xèo, xã Bản Xèo	2008	1				x	
2	Làng nghề nấu rượu truyền thống dân tộc Pa Dí	Thôn Cốc Ngủ, Nậm Cháy, xã Mường Khương	2008	1				x	

3	Làng nghề mây tre đan dân tộc Nùng.	TDP Na Đầy, Mường Khương, xã Mường Khương	2008	4	x				
4	Làng nghề nấu rượu truyền thống dân tộc Dao Đỏ	Thôn Nậm Cắn, Dàn Thàng, xã Nậm Chày	2008	1	x				
5	Làng nghề mây tre đan lát dân tộc Dao đỏ	Thôn Sín Pao Chải, Thanh Bình, xã Mường Khương	2008	4	x				
6	Làng nghề dệt thêu thổ cẩm dân tộc H'Mông.	Thôn Cán Chư Sừ, xã Si Ma Cai	2008	4	x				
7	Nấu rượu Cao Sơn	Thôn Ngải Phóng Chồ, Cao Sơn, xã Cao Sơn	2009	1	x				
8	Nấu rượu Dì Thàng	Thôn Dì Thàng, Tung chung Phố, xã Mường Khương	2009	1	x				
9	Nấu rượu Sa Pả	Thôn Sa Pả 10, Mường Khương, xã Mường Khương	2009	1	x				
10	Làng nghề nấu rượu	Thôn Bản Phố 2A, Bản Phố, xã Bắc Hà	2010	1	x				
11	Làng nghề dệt may thổ cẩm	Thôn Noong Khuẩn, Khánh Yên Trung, xã Khánh Yên	2010	4	x				
12	Làng nghề nấu rượu thóc truyền thống	Thôn Sim San 1, Ý Tý, xã Ý Tý	2011	1	x				
13	Làng nghề nấu rượu ngô truyền thống	Thôn Lao Chải 2, xã Si Ma Cai	2011	1	x				
14	Làng nghề nấu rượu thóc	Thôn Ky Công Hồ, Tông Sành, xã Cốc San	2012	1	x				
15	Làng nghề nấu rượu thóc	Thôn Phìn Ngan, Trịnh Tường, xã Trịnh Tường	2012	1	x				
16	Làng nghề nấu rượu thóc	Thôn Nậm Pung, Nậm Pung, xã Mường Hum	2013	1	x				
17	Làng nghề trạm khắc bạc	Thôn Séo Pờ Hồ, Mường Hum, xã Mường Hum	2014	2	x				
18	Làng nghề nấu rượu ngô truyền thống	Thôn Seng Sui, Lùng Thẩn, xã Lùng Phình	2018	1	x				
19	Làm bánh phở	Thôn Đội 1, 2, xã Si Ma Cai	2018	1	x				
C	NGHỀ TRUYỀN THỐNG	-							
I	Duy trì và phát triển nghề TT đã được công nhận								

1	Nghề dệt thêu thổ cẩm truyền thống dân tộc Tày (Sản phẩm: Trang phục và đồ trang trí)	Vĩnh Yên, xã Nghĩa Đô	2008	4	x
2	Nghề dệt thêu thổ cẩm truyền thống dân tộc Tày (Sản phẩm: Trang phục và đồ trang trí)	Nghĩa Đô, xã Nghĩa Đô	2008	4	x
3	Nghề Đan lát truyền thống dân tộc Tày	Nghĩa Đô, xã Nghĩa Đô	2024	4	x
4	Nghề Làm cốm truyền thống dân tộc Tày	Việt Tiến, xã Phúc Khánh	2024	1	x
5	Nghề Thêu dệt thổ cẩm truyền thống của người Dao họ	Cam Cọn, xã Bảo Hà	2024	4	x
6	Nghề dệt thêu thổ cẩm truyền thống dân tộc Dao Đỏ. (Sản phẩm: Trang phục và đồ trang trí)	Thôn Bản Po, xã Bát Xát	2008	4	x
7	Nghề chế biến thực phẩm truyền thống dân tộc Nùng (Sản phẩm: Lạp sườn, thịt hun khói, đậu sị)	Xã Mường Khương	2008	1	x
8	Nghề chế biến thực phẩm truyền thống dân tộc Nùng (Sản phẩm: Tương ớt Mường Khương)	Xã Mường Khương	2008	1	x
9	Nghề mây tre đan. (sản phẩm đồ dùng sinh hoạt)	Thôn Hầu Trư Ngải, Mường Hoa, xã Tả Van	2010	4	x
10	Nghề may, thêu thổ cẩm (Sản phẩm: Trang phục và đồ trang trí)	Thôn Sả Xéng, Tả Phìn, xã Tả Phìn	2011	4	x
11	Nghề may thêu thổ cẩm. (Sản phẩm: Trang phục và đồ trang trí)	Thôn Ý Linh Hồ 1, Hoàng Liên, xã Tả Van	2011	4	x
12	Nghề rèn đúc (Sản phẩm: Dụng cụ phục vụ sản xuất)	Thôn Na Áng B, Na Hối, xã Bắc Hà	2012	4	x
13	Nghề rèn đúc	Thôn Bản Phố 2B, Bản Phố, xã Bắc Hà	2012	4	x
14	Nghề dệt thêu thổ cẩm (Sản phẩm: Trang phục và đồ trang trí)	Thôn Bản phố, Dền Thàng, xã Dền Sáng	2013	4	x
15	Nghề Chế biến Miến dong	Thôn Thành Sơn, Bản Xèo, xã Bản Xèo	2013	1	x
16	Nghề dệt bông vải	Thôn Nậm Khánh, Nậm Khánh, xã Bản Liền	2013	4	x
17	Nghề làm hương	Thôn Seo Khai Hóa, xã Si Ma Cai	2013	1	x
18	Nghề chế biến thuốc tắm	Thôn Tả Chải, Tả Phìn, xã Tả Phìn	2013	1	x
19	Nghề làm hương	Thôn Làng Kim, xã Bát Xát	2014	1	x

